

Số: /QĐ-UBND

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước về thông tin và thống kê thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ thành phố Hà Nội

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Giá ngày 19/6/2023;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 và Nghị định số 111/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 45/2024/TT-BTC ngày 01/7/2024 của Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá;

Căn cứ Thông tư số 06/2022/TT-BKHCN ngày 31/5/2022 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực thông tin, thống kê, thư viện khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 29/3/2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực khoa học và công nghệ của thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 70/2024/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 và Quyết định số 63/2025/QĐ-UBND ngày 08/10/2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 70/2024/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành quy định nội dung quản lý nhà nước về giá hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Theo đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 5555/TTr-SKHCN ngày 27/11/2025;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước về thông tin và thống kê thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ thành phố Hà Nội (*chi tiết tại Phụ lục kèm theo*).

Điều 2. Giao Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức triển khai, hướng dẫn, theo dõi việc thực hiện giá; tổng hợp những khó khăn, vướng mắc và kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế cho phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND Thành phố, Giám đốc các Sở: Khoa học và Công nghệ, Tài chính; Giám đốc Trung tâm Thông tin và Thống kê khoa học và công nghệ thuộc Sở Khoa học và Công nghệ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND Thành phố (để b/c);
- Các PCT UBND TP;
- VPUB: CVP, các PCVP, các phòng chuyên môn, TTTTDL&CNS;
- Lưu: VT, ĐMPT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trương Việt Dũng

Phụ lục
GIÁ DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
VỀ THÔNG TIN VÀ THỐNG KÊ THUỘC LĨNH VỰC KHOA HỌC VÀ
CÔNG NGHỆ THÀNH PHỐ HÀ NỘI

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2025 của UBND thành phố Hà Nội)

I. Hướng dẫn chung

1. Phạm vi

Giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN về thông tin và thống kê thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ thành phố Hà Nội là giá đặt hàng tại đơn vị cung cấp các dịch vụ: (1) Biên soạn tin tức khoa học và công nghệ phát lên cổng thông tin điện tử; (2) Xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu nhiệm vụ khoa học và công nghệ đang tiến hành; (3) Xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ; (4) Xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu ứng dụng kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ; (5) Xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu tổ chức, doanh nghiệp khoa học và công nghệ; (6) Xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu cán bộ khoa học và công nghệ; (7) Vận hành và phát triển Trang thông tin khoa học và công nghệ; (8) Tổ chức Triển lãm thành tựu khoa học và công nghệ; (9) Tổ chức Triển lãm hình ảnh thành tựu khoa học và công nghệ; (10) Báo cáo thống kê cấp quốc gia về khoa học và công nghệ (phần Báo cáo thống kê cấp Thành phố đưa vào báo cáo quốc gia); (11) Tiếp nhận, phân loại và xếp giá tài liệu khoa học và công nghệ; Lưu giữ, bảo quản tài liệu khoa học và công nghệ.

2. Đối tượng áp dụng

Đối tượng áp dụng giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN về thông tin và thống kê thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ thành phố Hà Nội ban hành kèm theo quyết định này gồm: Trung tâm Thông tin và Thống kê khoa học và công nghệ thuộc Sở Khoa học và Công nghệ; các cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội sử dụng ngân sách Thành phố thực hiện dịch vụ thông tin, thống kê lĩnh vực khoa học và công nghệ. Khuyến khích cơ quan, tổ chức có hoạt động dịch vụ thông tin, thống kê lĩnh vực khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước áp dụng phương án giá các dịch vụ ban hành kèm theo Quyết định này.

3. Một số lưu ý

- Giá đặt hàng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước về thông tin và thống kê thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ thành phố Hà Nội là cơ sở để xác định chi phí cho công tác đặt hàng, đấu thầu, cung cấp dịch vụ sự nghiệp công trong hoạt động cung cấp dịch vụ về thông tin và thống kê thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ. Trường hợp đối với các nội dung đặt hàng, đấu thầu không sử dụng ngân sách nhà nước, tùy tình hình thực tế Trung tâm Thông tin và Thống kê khoa học và công nghệ được bổ sung các chi phí có liên quan khác không được liệt kê trong thành phần chi phí tạo nên giá đặt hàng.

- Giá thành sản xuất hàng hóa, dịch vụ (nhân công, chi phí thiết bị, chi phí vật tư) cho đơn giá Biên soạn tin tức khoa học và công nghệ phát lên Cổng thông tin điện tử có quy cách bản tin tiêu chuẩn tính định mức là 25 trang điện tử (Khổ giấy A4). Trường hợp khác: Giá thành sản xuất hàng hóa, dịch vụ được tính theo hướng dẫn tại Phụ biểu 1A, Phụ biểu 1B, Phụ biểu 1C kèm theo.

- Giá thành sản xuất hàng hóa, dịch vụ (nhân công, chi phí thiết bị, chi phí vật tư) cho đơn giá Tổ chức triển lãm thành tựu khoa học và công nghệ được áp dụng cho 01 sự kiện với quy mô 50 gian hàng. Trường hợp khác: Giá thành sản xuất hàng hóa, dịch vụ được tính theo hướng dẫn tại Phụ biểu 2A, Phụ biểu 2B, Phụ biểu 2C kèm theo.

- Giá thành sản xuất hàng hóa, dịch vụ (nhân công, chi phí thiết bị, chi phí vật tư) cho đơn giá Tổ chức triển lãm hình ảnh thành tựu khoa học và công nghệ được áp dụng cho 01 sự kiện với quy mô 100 poster. Trường hợp khác: Giá thành sản xuất hàng hóa, dịch vụ được tính theo hướng dẫn tại Phụ biểu 3A, Phụ biểu 3B, Phụ biểu 3C kèm theo.

- Giá thành sản xuất hàng hóa, dịch vụ (nhân công, chi phí thiết bị, chi phí vật tư) cho đơn giá tiếp nhận, phân loại và xếp giá tài liệu khoa học a công nghệ; Lưu giữ, bảo quản tài liệu khoa học và công nghệ là áp dụng cho 100 tài liệu. Trường hợp khác sẽ được quy đổi như sau:

$$\text{Đơn giá} = \text{Số tài liệu} \times \frac{140.374 \text{ đồng}}{100}$$

Trong đó: 140.374 đồng là đơn giá cho 100 tài liệu.

- Khi có sự điều chỉnh về lương cơ sở, mức đóng bảo hiểm xã hội thì phương án giá trên điều chỉnh theo đúng các quy định hướng dẫn của pháp luật.

II. Giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước về thông tin và thống kê thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ thành phố Hà Nội

STT	Tên dịch vụ	Đơn vị tính	Giá thành sản xuất hàng hóa, dịch vụ sản xuất trong nước			Chi phí quản lý (đồng)	Giá đặt hàng (đồng)
			Nhân công trực tiếp (đồng)	Chi phí thiết bị (đồng)	Chi phí vật tư (đồng)		
1	Biên soạn tin tức khoa học và công nghệ phát lên Cổng thông tin điện tử	1 tin	151.930	3.719	1.605	7.446	164.700
2	Xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu nhiệm vụ khoa học và công nghệ đang tiến hành	1 biểu ghi	46.457	246	-	2.395	49.098

STT	Tên dịch vụ	Đơn vị tính	Giá thành sản xuất hàng hóa, dịch vụ sản xuất trong nước			Chi phí quản lý (đồng)	Giá đặt hàng (đồng)
			<i>Nhân công trực tiếp (đồng)</i>	<i>Chi phí thiết bị (đồng)</i>	<i>Chi phí vật tư (đồng)</i>		
3	Xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ	1 biểu ghi	31.344	44	-	1.607	32.995
4	Xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu ứng dụng kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ	1 biểu ghi	31.344	742	-	1.607	33.693
5	Xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu tổ chức, doanh nghiệp khoa học và công nghệ	1 biểu ghi	35.662	842	-	1.830	38.334
6	Xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu cán bộ khoa học và công nghệ	1 biểu ghi	16.488	390	-	5.503	22.381
7	Vận hành và phát triển Trang thông tin khoa học và công nghệ	1 Trang thông tin	12.389.699	314.923	80.250	552.278	13.337.150
8	Tổ chức triển lãm thành tựu khoa học và công nghệ	1 sự kiện (50 gian hàng)	37.873.613	830.398	1.685.250	1.680.631	42.069.892
9	Tổ chức triển lãm hình ảnh thành tựu khoa học và công nghệ	1 sự kiện (100 poster)	27.431.895	569.020	930.900	1.173.581	30.105.396
10	Báo cáo thống kê cấp quốc gia về khoa học và công nghệ (phần báo cáo cấp Thành phố đưa vào báo cáo	1 báo cáo	24.989.027	444.579	5.617.500	1.104.836	32.155.942

STT	Tên dịch vụ	Đơn vị tính	Giá thành sản xuất hàng hóa, dịch vụ sản xuất trong nước			Chi phí quản lý (đồng)	Giá đặt hàng (đồng)
			<i>Nhân công trực tiếp (đồng)</i>	<i>Chi phí thiết bị (đồng)</i>	<i>Chi phí vật tư (đồng)</i>		
	quốc gia)						
11	Tiếp nhận, phân loại và xếp giá tài liệu khoa học a công nghệ; Lưu giữ, bảo quản tài liệu khoa học và công nghệ	100 tài liệu	134.718	1.280	840	3.536	140.374

ĐƠN GIÁ MÁY MÓC THIẾT BỊ
BIÊN SOẠN TIN TỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ PHÁT LÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
 (Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2025 của UBND thành phố Hà Nội)

- 01 năm thiết bị sẽ sử dụng: 22 ngày x 12 tháng = 264 ca

Đơn vị tính: đồng/1 tin

STT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Nguyên giá Tài sản tham khảo	Định mức thiết bị (%)				Định mức/ca thiết bị	Thành tiền
					Thời gian tính hao mòn (năm)	Tỷ lệ tính hao mòn (%năm)	Hao mòn 1 năm	Hao mòn 1 ca làm việc 8h (hao mòn 1 năm /264 ngày làm việc) khác		
	Máy tính để bàn	Bộ	Loại thông dụng	13.900.000	5	20	2.780.000	10.530	0,3531	3.718
	Máy in	Chiếc	Laser A4, in 2 mặt	2.950.000	5	20	590.000	2.235	0,0003	0,670
	Máy ghi âm	Chiếc	Có khả năng ghi âm tự động, kết nối cổng USB Type-C	5.000.000	5	20	1.000.000	3.788	0,0047	17,803
	TỔNG CỘNG									3.73

* Định mức máy móc, thiết bị Biên soạn và xuất bản tin khoa học và công nghệ điện tử cho Bản tin khoa học và công nghệ điện tử có quy cách bản tin tiêu chuẩn tính định mức là 25 trang điện tử (Khổ giấy A4)).

- Trường hợp tăng/giảm 01 trang, định mức được cộng/ trừ với hệ số tăng giảm là 0,5.

ĐƠN GIÁ VẬT LIỆU
BIÊN SOẠN TIN TỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ PHÁT LÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2025 của UBND thành phố Hà Nội)

Đơn vị tính: đồng/1 tin

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Đơn giá	Thành tiền
1	Vật liệu sử dụng					
	Giấy A4	Gram	Định lượng 800g/m ²	0,003	85.000	255
	Mực in	Hộp	Lazer 1.500 tờ A4	0,001	1.350.000	1.350
	TỔNG CỘNG					1.605

ĐƠN GIÁ NHÂN CÔNG
TỔ CHỨC TRIỂN LÃM THÀNH TỰU KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
 (Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2025 của UBND thành phố Hà Nội)

- Mức lương cơ sở (LCS): 2.340.000 đồng
- Các khoản đóng góp: 21,5%

- Thời gian làm việc: 22 ngày/tháng
- Thời gian làm việc 1 công: 8 tiếng

Đơn vị tính: đồng/1 sự kiện (50 gian hàng)

STT	Nội dung công việc	Hệ số lương	Tiền lương	Các khoản đóng góp	Tiền thưởng trung bình theo Nghị định 73/NĐ-CP	Định mức (công)	Đơn giá/công	Thành tiền
A	Lao động trực tiếp							37.873.613
	Nghiên cứu viên hạng III bậc 3/9	3,00	7.020.000	1.509.300	970.000	33,19	431.786	14.330.989
	Nghiên cứu viên hạng III bậc 5/9	3,66	8.564.400	1.841.346	970.000	45,53	517.079	23.542.623
B	Lao động gián tiếp					11,808	142.330	1.680.631
	TỔNG CỘNG							39.554.244

* Định mức nhân công Tổ chức triển lãm thành tựu khoa học và công nghệ được áp dụng cho 01 sự kiện với quy mô 50 gian hàng.

- Trường hợp tăng/giảm 25 gian hàng thì định mức nhân công được nhân với hệ số tăng/giảm là 1,05/0,95

- Trường hợp nếu số gian hàng tăng giảm với bước nhảy khác 25 thì định mức nhân công được nhân với hệ số tăng/giảm theo công thức nội suy 2 chiều sau: $A = a1 + (a2 - a1) \times (B - b1) : (b2 - b1)$

Trong đó:

A: Hệ số các thành phần hao phí (nhân công) tương ứng với số gian hàng B

B: Số gian hàng cần xác định hệ số

b1: Số gian hàng tại cận dưới liền kề với gian hàng B

b2: Số gian hàng tại cận trên liền kề với gian hàng B

a1: Định mức các thành phần hao phí tại cận dưới b1

a2: Định mức các thành phần hao phí tại cận trên b2

ĐƠN GIÁ MÁY MÓC THIẾT BỊ
TỔ CHỨC TRIỂN LÃM THÀNH TỰU KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2025 của UBND thành phố Hà Nội)

- 01 năm thiết bị sẽ sử dụng: 22 ngày x 12 tháng = 264 ca

Đơn vị tính: đồng/1 sự kiện (50 gian hàng)

STT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Nguyên giá Tài sản tham khảo	Định mức thiết bị (%)				Định mức/ca thiết bị	Thành tiền
					Thời gian tính hao mòn (năm)	Tỷ lệ tính hao mòn (%năm)	Hao mòn 1 năm	Hao mòn 1 ca làm việc 8h (hao mòn 1 năm /264 ngày làm việc)khác		
	Máy tính để bàn	Bộ	Loại thông dụng	13.900.000	5	20	2.780.000	10.530	78,72	828.945
	Máy in	Chiếc	Laser A4, in 2 mặt	2.950.000	5	20	590.000	2.235	0,65	1.453
	TỔNG CỘNG									30.398

* Định mức máy móc, thiết bị Tổ chức triển lãm thành tựu khoa học và công nghệ được áp dụng cho 01 sự kiện với quy mô 50 gian hàng.

- Trường hợp tăng/giảm 25 gian hàng thì định mức nhân công được nhân với hệ số tăng/giảm là 1,05/0,95

- Trường hợp nếu số gian hàng tăng giảm với bước nhảy khác 25 thì định mức nhân công được nhân với hệ số tăng/giảm theo công thức nội suy 2 chiều sau:

$$A = a1 + (a2 - a1) \times (B - b1) : (b2-b1)$$

Trong đó:

A: Hệ số các thành phần hao phí (máy móc, thiết bị) tương ứng với số gian hàng B

B: Số gian hàng cần xác định hệ số

b1: Số gian hàng tại cận dưới liền kề với gian hàng B

b2: Số gian hàng tại cận trên liền kề với gian hàng B

a1: Định mức các thành phần hao phí tại cận dưới b1

a2: Định mức các thành phần hao phí tại cận trên b2

ĐƠN GIÁ VẬT LIỆU
TỔ CHỨC TRIỂN LÃM THÀNH TỰU KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
 (Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2025 của UBND thành phố Hà Nội)

Đơn vị tính: đồng/1 sự kiện (50 gian hàng)

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Đơn giá	Thành tiền
1	Vật liệu sử dụng					
	Giấy A4	Gram	Định lượng 800g/m ²	3,15	85.000	267.750
	Mực in	Hộp	Lazer 1.500 tờ A4	1,05	1.350.000	1.417.500
	TỔNG CỘNG					1.685.250

* Định mức vật liệu Tổ chức triển lãm thành tựu khoa học và công nghệ được áp dụng cho 01 sự kiện với quy mô 50 gian hàng.

- Trường hợp tăng/giảm 25 gian hàng thì định mức nhân công được nhân với hệ số tăng/giảm là 1,05/0,95

- Trường hợp nếu số gian hàng tăng giảm với bước nhảy khác 25 thì định mức nhân công được nhân với hệ số tăng/giảm theo công thức nội suy 2 chiều sau: $A = a1 + (a2 - a1) \times (B - b1) : (b2 - b1)$

Trong đó:

A: Hệ số các thành phần hao phí (vật liệu) tương ứng với số gian hàng B

B: Số gian hàng cần xác định hệ số

b1: Số gian hàng tại cận dưới liền kề với gian hàng B

b2: Số gian hàng tại cận trên liền kề với gian hàng B

a1: Định mức các thành phần hao phí tại cận dưới b1

a2: Định mức các thành phần hao phí tại cận trên b2

ĐƠN GIÁ NHÂN CÔNG
TỔ CHỨC TRIỂN LÃM HÌNH ẢNH THÀNH TỰU KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
 (Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2025 của UBND thành phố Hà Nội)

- Mức lương cơ sở (LCS): 2.340.000 đồng
 - Các khoản đóng góp: 21,5%

- Thời gian làm việc: 22 ngày/tháng
 - Thời gian làm việc 1 công: 8 tiếng

Đơn vị tính: đồng/1 sự kiện (100 poster)

STT	Nội dung công việc	Hệ số lương	Tiền lương	Các khoản đóng góp	Tiền thưởng trung bình theo Nghị định 73/NĐ-CP	Định mức (công)	Đơn giá/công	Thành tiền
A	Lao động trực tiếp							27.431.895
	Nghiên cứu viên hạng III bậc 3/9	3,00	7.020.000	1.509.300	970.000	11,63	431.786	5.021.675
	Nghiên cứu viên hạng III bậc 5/9	3,66	8.564.400	1.841.346	970.000	43,34	517.079	22.410.220
B	Lao động gián tiếp					8,2455	142.330	1.173.581
	TỔNG CỘNG							28.605.476

* Định mức nhân công Tổ chức triển lãm hình ảnh thành tựu khoa học và công nghệ được áp dụng cho 01 sự kiện với quy mô 100 poster

- Trường hợp tăng/giảm 25 poster thì định mức nhân công được nhân với hệ số tăng/giảm là 1,05/0,95

- Trường hợp nếu số poster tăng giảm với bước nhảy khác 25 thì định mức nhân công được nhân với hệ số tăng/giảm theo công thức nội suy 2 chiều sau:

$$A = a1 + (a2 - a1) \times (B - b1) : (b2 - b1)$$

Trong đó:

A: Hệ số các thành phần hao phí (nhân công) tương ứng với số gian hàng B

B: Số poster cần xác định hệ số

b1: Số poster tại cận dưới liền kề với gian hàng B

b2: Số poster tại cận trên liền kề với gian hàng B

a1: Định mức các thành phần hao phí tại cận dưới b1

a2: Định mức các thành phần hao phí tại cận trên b2

ĐƠN GIÁ MÁY MÓC THIẾT BỊ
TỔ CHỨC TRIỂN LÃM HÌNH ẢNH THÀNH TỰU KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2025 của UBND thành phố Hà Nội)

- 01 năm thiết bị sẽ sử dụng: 22 ngày x 12 tháng = 264 ca

Đơn vị tính: đồng/1 sự kiện (100 poster)

STT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Nguyên giá Tài sản tham khảo	Định mức thiết bị (%)				Định mức/ca thiết bị	Thành tiền
					Thời gian tính hao mòn (năm)	Tỷ lệ tính hao mòn (%năm)	Hao mòn 1 năm	Hao mòn 1 ca làm việc 8h (hao mòn 1 năm /264 ngày làm việc) khác		
	Máy tính để bàn	Bộ	Loại thông dụng	13.900.000	5	20	2.780.000	10.530	53,96	568.215
	Máy in	Chiếc	Laser A4, in 2 mặt	2.950.000	5	20	590.000	2.235	0,36	805
	TỔNG CỘNG									569.020

* Định mức máy móc, thiết bị Tổ chức triển lãm hình ảnh thành tựu khoa học và công nghệ được áp dụng cho 01 sự kiện với quy mô 100 poster

- Trường hợp tăng/giảm 25 poster thì định mức nhân công được nhân với hệ số tăng/giảm là 1,05/0,95

- Trường hợp nếu số poster tăng giảm với bước nhảy khác 25 thì định mức nhân công được nhân với hệ số tăng/giảm theo công thức nội suy 2 chiều sau:

$$A = a1 + (a2 - a1) \times (B - b1) : (b2 - b1)$$

Trong đó:

A: Hệ số các thành phần hao phí (máy móc, thiết bị) tương ứng với số gian hàng B

B: Số poster cần xác định hệ số

b1: Số poster tại cận dưới liền kề với gian hàng B

b2: Số poster tại cận trên liền kề với gian hàng B

a1: Định mức các thành phần hao phí tại cận dưới b1

a2: Định mức các thành phần hao phí tại cận trên b2

ĐƠN GIÁ VẬT LIỆU
TỔ CHỨC TRIỂN LÃM HÌNH ẢNH THÀNH TỰU KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2025 của UBND thành phố Hà Nội)

Đơn vị tính: đồng/1 sự kiện (100 poster)

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức	Đơn giá	Thành tiền
1	Vật liệu sử dụng					
	Giấy A4	Gram	Định lượng 800g/m ²	1,74	85.000	147.900
	Mực in	Hộp	Lazer 1.500 tờ A4	0,58	1.350.000	783.000
	TỔNG CỘNG					930.900

* Định mức vật liệu Tổ chức triển lãm hình ảnh thành tựu khoa học và công nghệ được áp dụng cho 01 sự kiện với quy mô 100 poster

- Trường hợp tăng/giảm 25 poster thì định mức nhân công được nhân với hệ số tăng/giảm là 1,05/0,95

- Trường hợp nếu số poster tăng giảm với bước nhảy khác 25 thì định mức nhân công được nhân với hệ số tăng/giảm theo công thức nội suy 2 chiều sau:

$$A = a1 + (a2 - a1) \times (B - b1) : (b2 - b1)$$

Trong đó:

A: Hệ số các thành phần hao phí (vật liệu) tương ứng với số gian hàng B

B: Số poster cần xác định hệ số

b1: Số poster tại cận dưới liên kề với gian hàng B

b2: Số poster tại cận trên liên kề với gian hàng B

a1: Định mức các thành phần hao phí tại cận dưới b1

a2: Định mức các thành phần hao phí tại cận trên b2